

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2024/DS- PT

Ngày: 23-5-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

- *Các Thẩm phán:* - Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Bà Phan Thị Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐ-PT, ngày 23/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1971. (Có mặt).

Nơi thường trú: Xóm D, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Tạm trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn L, sinh năm 1991. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người kháng cáo: Bị đơn Anh Đào Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo án sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Trung H trình bày:**

Anh H thông qua anh họ là anh Đoàn Hữu C đã mua xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 61C-127.20 của công ty Trách nhiệm hữu hạn S (Công ty TNHH S) vào năm 2018 với giá 265 triệu đồng, khi mua bán các bên có hợp đồng mua bán xe (hợp đồng mua bán xe trị giá 200 triệu đồng) nhưng chưa làm thủ tục sang tên, Công ty S đã giao xe ô tô và giấy đăng ký xe ô tô mang tên Công ty TNHH S cho anh H giữ. Tháng 7/2020, do cần

tiền làm ăn nên anh H cầm cố xe ô tô và đăng ký xe trên cho anh Đào Văn L lấy số tiền 50 triệu đồng, các bên không lập hợp đồng cầm cố nhưng thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày x 50.000.000 đồng = 150.000 đồng/01 ngày và không thỏa thuận thời gian trả nợ gốc. Anh H trả lãi được 05 tháng theo đúng thỏa thuận với anh L (từ tháng 7/2020 đến tháng 12/2020) với tổng số tiền 19.500.000 đồng (trong đó có nhờ anh Đặng Ngọc D trực tiếp đưa tiền lãi 01 lần số tiền 6.000.000 đồng) thì làm ăn khó khăn, anh H không trả lãi cũng không liên lạc với anh L để thỏa thuận về việc thanh lý xe. Từ tháng 3/2021 anh H đã nhiều lần liên lạc, đến nhà anh L để thỏa thuận thanh toán số tiền đã vay và số tiền lãi chưa thanh toán nhưng không gặp được anh L. Thời gian sau đó anh gặp được anh L để thỏa thuận trả tiền và lấy lại xe thì anh L không thừa nhận việc anh đã đặt chiếc xe ô tô như đã thỏa thuận ở trên. Đến khoảng tháng 9/2021 anh L bán chiếc xe ô tô trên cho anh Bùi Anh T với giá 110 triệu đồng. Đến thời điểm hiện tại anh T vẫn đang sử dụng chiếc xe ô tô trên.

Kèm theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Trung H cung cấp 01 hợp đồng mua bán xe ô tô với Công ty TNHH S, 01 giấy đăng ký xe mang tên Công ty TNHH S, 01 văn bản trả lời đơn tố giác công dân của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, ngoài ra không cung cấp được giấy tờ gì thêm.

Anh H khởi kiện đề nghị Tòa án yêu cầu anh Đào Văn L trả lại chiếc xe ô tô trên, quá trình giải quyết vụ án anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án: Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh H và anh Đào Văn L, hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh Đào Văn L và anh Bùi Anh T vô hiệu và đề nghị giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu.

*** Bị đơn anh Đào Văn L trình bày:**

Vào khoảng tháng 7/2020, anh L nhận được điện thoại của anh H trao đổi muốn bán xe nên anh đã hẹn anh H đưa xe đến nhà anh Phạm Đình H1 tại xã B, T để xem xe. Sau khi gặp nhau tại nhà của anh H1, qua kiểm tra xe và giấy tờ nguồn gốc xe, hai bên thỏa thuận anh H bán cho anh L xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 61C-127.20 giá 50 triệu đồng, việc mua bán có làm giấy tờ viết tay và có anh Đỗ Đình H2 là người làm chứng. Về bản giấy tờ viết tay chứng minh giao dịch giữa anh L và anh H, trong quá trình bảo quản do không cẩn thận nên anh đã làm mất.

Sau khi làm giấy tờ mua bán xe thì anh H đã giao lại xe cho anh cùng giấy tờ kèm theo xe. Sau đó anh để chiếc xe đó gửi lại nhà anh H2, còn anh chở anh H về và đã trả đủ cho anh H số tiền 50.000.000 đồng.

Sau khi mua chiếc xe trên thì anh gửi tại nhà anh H2 mấy hôm, sau đó thì anh đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Xuân M ở xã B, huyện T với giá 60 triệu đồng. Qua tết đến đầu năm 2021 thì anh hỏi mua lại chiếc xe trên của anh M và anh M đồng ý bán cho anh với giá 100 triệu đồng. Anh L mua lại chiếc xe trên từ anh M và bán cho anh Bùi Anh T với giá 110 triệu đồng, việc mua bán với anh T có làm giấy

tờ viết tay, hiện anh T đang giữ. Sau khi anh L bán chiếc xe trên cho anh T thì xảy ra tranh chấp giữa anh và anh H liên quan đến chiếc xe ô tô trên.

Anh L khẳng định việc giao dịch giữa anh và anh H là giao dịch mua bán tài sản, những gì anh H đã khai về việc cầm cố tài sản là không đúng sự thật và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H.

*** Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bùi Anh T trình bày:** Khoảng sau tết âm lịch năm 2021 (không nhớ ngày cụ thể) anh T mua chiếc xe trên của anh Đào Văn L với giá 110 triệu đồng, số tiền 110 triệu đồng anh dùng để mua xe của anh L là tài sản chung của vợ chồng anh.

Việc mua bán giữa anh và anh L có lập giấy mua bán viết tay và có người làm chứng, sau khi mua bán anh bàn giao đủ tiền cho anh L, còn anh L thì bàn giao cho anh đăng ký xe, đăng kiểm xe, bảo hiểm xe, sau khi mua xe anh sử dụng được khoảng hơn 10 ngày thì giữa anh L và anh H xảy ra tranh chấp. Hiện nay anh T đang là người trực tiếp quản lý và sử dụng chiếc xe trên. Anh T không đồng ý trả lại xe cho anh H vì cho rằng hợp đồng mua bán xe giữa anh và anh L là hợp pháp, trường hợp anh H và anh L có nhu cầu muốn mua lại chiếc xe ô tô trên thì anh T nhất trí bán lại theo giá thị trường.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S:** Quá trình giải quyết vụ án có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án thừa nhận năm 2018 Công ty TNHH S có bán cho anh Nguyễn Trung H 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 61C-127.20 của công ty Trách nhiệm hữu hạn S với số tiền 200 triệu đồng. Công ty TNHH S đã bán chiếc xe trên cho anh H, nhận đủ tiền của anh H trả và đã bàn giao xe ô tô cùng giấy tờ xe cho anh H, Công ty TNHH S không có tranh chấp gì với anh H về quyền sử hữu đối với chiếc xe ô tô trên.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T1 (vợ của anh Hà Văn L1) trình bày:** Nguồn tiền mua xe của anh H là tiền chung của chị T1 và anh L1, còn việc cụ thể giao dịch giữa anh H và anh L1 như thế nào chị không biết vì anh L1 giao dịch mua bán xe cũ nhiều, chị T1 không thừa nhận cầm số tiền 06 triệu đồng mà anh Đặng Ngọc D trả hộ cho anh Nguyễn Trung H và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H3 (vợ của anh Bùi Anh T) trình bày:** Chị có biết việc anh T mua bán chiếc xe ô tô với anh L1, tiền mua bán là tài sản chung, khi mua có viết giấy mua bán và có giấy tờ đầy đủ, hiện nay xảy ra việc tranh chấp liên quan đến chiếc xe ô tô trên thì chị H3 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị M1:** Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh chị Ngô Thị M1 hiện không có mặt tại địa phương, không ai biết chị M1 đang ở đâu, làm gì.

Người làm chứng trình bày:

* *Người làm chứng anh Phạm Đình H1 khai:* Vào thời điểm khoảng tháng 07/2020 thì có anh Đào Văn L vào nhà anh H1 chơi, sau đó anh H gọi cho anh L bảo muốn bán xe nên anh L đã hẹn lên nhà của anh H1 để xem xe. Sau đó anh H đánh xe lên nhà anh H1 gặp anh L, còn việc trao đổi mua bán xe giữa anh H và anh L cụ thể như thế nào thì anh H1 không biết vì anh H1 bận sửa xe cho khách, sau khi anh H và anh L thỏa thuận giao dịch xong thì có xin anh H1 01 tờ giấy và viết 01 bản hợp đồng mua bán ô tô viết tay, nhờ anh H1 là người làm chứng ký vào hợp đồng mua bán. Sau khi lập xong hợp đồng thì anh H đã giao xe cho anh L và anh L có gửi xe tại nhà anh H1 mấy hôm, sau đó anh L lấy xe về, quá trình sau đó anh L sử dụng xe hay bán cho ai thì anh H1 không biết được.

* *Người làm chứng anh Nguyễn Xuân M khai:* Anh M có mua xe 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, biển kiểm soát: 61C-127.20 của anh Đào Văn L nhưng do đã lâu nên anh M không nhớ rõ thời gian mua bán, chỉ nhớ anh M xem xe tại nhà của anh Phạm Đình H1 và việc mua bán có anh H1 làm chứng, do quen biết và tin tưởng nhau nên giữa anh M và anh L không làm giấy tờ mua bán, anh M giao cho anh L 60 triệu, anh L đã giao xe cùng giấy tờ xe bản gốc và giấy mua bán viết tay giữa anh H và anh L cho anh M. Sau khi sử dụng xe được một thời gian do không có nhu cầu sử dụng nữa nên anh M đã bán lại xe cho anh L với số tiền 100 triệu đồng, khi bán xe lại cho anh L cũng không làm giấy tờ gì, chỉ giao tiền, giao xe và các giấy tờ theo xe cho nhau, đối với hợp đồng mua bán xe viết tay giữa anh H và anh L thì anh M đã làm mất.

* *Người làm chứng anh Đặng Ngọc D khai:* Anh D có 01 lần đưa tiền cho anh L giúp cho anh H vào tháng 9/2020 nhưng không biết tiền anh H nhờ anh D đưa cho anh L là tiền gì. Anh D đã đưa giúp cho anh H 06 triệu đồng cho vợ của anh L là chị Hà Thị T1 tại sân bóng chuyên tổ dân phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, khi giao tiền không làm giấy tờ, không có ai làm chứng. Về nội dung cầm cố hay giao dịch mua bán giữa anh H và anh L thì anh D không biết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Trung H đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và yêu cầu định giá tài sản tranh chấp. Toà án đã thành lập hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu định giá tài sản, Kết quả của Hội đồng định giá tài sản huyện T ngày 23/05/2023 kết luận: chiếc ô tô đang tranh chấp tại thời điểm định giá tháng 05/2023 là 53,1 triệu đồng. Do nguyên đơn, bị đơn đều không nhất trí với kết quả của Hội đồng định giá tài sản huyện T nên anh Nguyễn Trung H đã làm đơn đề nghị Tòa án thẩm định giá lại tài sản và nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định giá, tại kết quả thẩm định giá tài sản ngày 22/10/2023 thể hiện: Chiếc xe ô tô tải (có mui) nhãn hiệu VEAM, số loại VT200MB, biển kiểm soát: 61C-127.20 (đã qua sử dụng) có giá trị 110 triệu đồng. Sau khi có kết quả thẩm định giá tài sản anh Đào Văn L không nhất trí với kết quả thẩm định giá tài sản vì cho rằng kết quả thẩm định giá chưa thoả đáng nhưng anh L không đề nghị định giá lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ. Đối với số tiền 600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và số tiền 3.022.000 đồng chi phí thẩm định giá các đương sự đều nhất trí và không có ý kiến gì.

Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên đã tuyên: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 131; Điều 161 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trung H.

- Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 giữa anh Nguyễn Trung H và anh Đào Văn L vô hiệu toàn bộ.

- Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 giữa anh Đào Văn L và anh Bùi Anh T vô hiệu toàn bộ.

2. Hậu quả pháp lý khi tuyên hợp đồng vô hiệu:

- Buộc anh Đào Văn L phải hoàn trả số tiền 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng) cho anh Bùi Anh T. Buộc anh Bùi Anh T phải hoàn trả 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 (có đặc điểm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên) có giá trị 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng) cho anh Đào Văn L.

- Buộc anh Nguyễn Trung H phải hoàn trả cho anh Đào Văn L số tiền 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Buộc Đào Văn L phải hoàn trả 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 (có đặc điểm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên) có giá trị 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng) cho anh Nguyễn Trung H.

- Buộc anh Nguyễn Trung H phải bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Không nhất trí với bản án sơ thẩm, Ngày 26/01/2024 bị đơn anh Đào Văn L làm đơn kháng cáo một phần bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên buộc ông Nguyễn Trung H phải chịu lỗi hoàn toàn dẫn đến các hợp đồng mua bán xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM MOTOR màu

son trắng, biển kiểm soát 61C-127-20 bị vô hiệu. Buộc ông H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi của ông Nguyễn Trung H gây ra cũng như các chi phí thẩm định, định giá tài sản và chịu toàn bộ án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ ***Nguyên đơn anh Nguyễn Trung H trình bày:*** Anh không đồng ý nội dung kháng cáo của anh Đào Văn L, đề nghị TAND tỉnh Lai Châu không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

+ ***Người kháng cáo bị đơn anh Đào Văn L trình bày:***

Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng cáo buộc anh H phải chịu lỗi hoàn toàn dẫn đến các hợp đồng mua bán xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM MOTOR màu son trắng, biển kiểm soát 61C-127-20 bị vô hiệu. Buộc ông H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi của ông Nguyễn Trung H gây ra cũng như các chi phí thẩm định, định giá tài sản và chịu toàn bộ án phí.

Các đương sự giữ nguyên yêu cầu của mình, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, Bị đơn không rút đơn kháng cáo, không rút một phần hay thay đổi bổ sung nội dung kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

**** Ý kiến phát biểu và quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu:***

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn và đúng thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 BLTTDS năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Việc ban hành và gửi thông báo thụ lý được thẩm phán tiến hành đúng quy định tại Điều 285 BLTTDS. Thời hạn mở phiên tòa đúng theo quy định tại Điều 286 BLTTDS. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, thành phần Hội đồng xét xử, thời hạn mở phiên tòa, những người tham gia tố tụng theo quy định của Điều 290, 294 BLTTDS năm 2015. Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chuyển hồ sơ vụ án cho VKS cùng cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng trong vụ án được Thẩm phán thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng.

Về căn cứ áp dụng: Bổ sung thêm Điều 407, Điều 430, Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu: Buộc anh Bùi Văn T2 phải hoàn trả giấy tờ xe gồm Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Chủ xe là Công ty TNHH S, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô cho anh Đào Văn L; Buộc anh Đào Văn L phải hoàn trả giấy tờ xe gồm Chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Chủ xe là Công ty TNHH S, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô cho anh Nguyễn Trung H.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 4.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Việc thực hiện các thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm đều đảm bảo đúng quy định theo trình tự thủ tục của của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là đúng theo quy định tại Điều 116, Điều 430/BLDS 2015, Đơn kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại điều 70, 72 BLTTDS, có nội dung, hình thức phù hợp quy định tại các điều 271,272,273 Bộ luật TTDS nên hợp lệ, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] **Về nội dung:** Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L về yêu cầu buộc anh H phải chịu lỗi hoàn toàn dẫn đến các hợp đồng mua bán xe ô tô vô hiệu; buộc anh H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi của anh Nguyễn Trung H gây ra cũng như các chi phí thẩm định và định giá tài sản và chịu toàn bộ án phí HĐXX phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Xét hợp đồng mua bán giữa Công ty TNHH S và anh Nguyễn Trung H: Ngày 15/11/2018 anh Nguyễn Trung H và Công ty TNHH S, đại diện là anh Lê Văn C1 - chức vụ: Giám đốc có thực hiện giao dịch mua bán chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 thông qua hợp đồng mua bán xe, nhưng hợp đồng không được công chứng chứng thực, không sang tên theo quy định tại khoản 2 Điều 117 BLDS, điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014, do vậy giao dịch mua bán chiếc xe ô tô trên giữa anh H với công ty S vô hiệu do vi phạm về hình thức của hợp đồng. Tuy nhiên

giữa Công ty S và anh H không có tranh chấp gì về quyền sở hữu chiếc xe trên và không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì, nếu sau này các bên có tranh chấp thì Tòa án giải quyết bằng vụ án tranh chấp dân sự khác.

[2.2] Xét hợp đồng mua bán giữa anh Nguyễn Trung H và anh Đào Văn L: Tại thời điểm các bên thực hiện giao dịch mua bán vào tháng 07/2020, anh H chưa thực hiện thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 của Công ty TNHH S. Việc mua bán xe giữa anh H và anh L chỉ lập giấy tờ mua bán viết tay mà không làm hợp đồng mua bán có chứng thực tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là chưa đảm bảo hình thức hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 117 BLDS, điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2014/TT-BCA ngày 04/4/2014, Khoản 2 Điều 119 BLDS năm 2015 (cả anh H và anh L không cung cấp được tài liệu chứng cứ là Hợp đồng mua bán viết tay). Xét thấy anh H chưa đứng tên chủ sở hữu đối với chiếc xe nên không có quyền định đoạt của chủ sở hữu theo Điều 194, Điều 431 BLDS nên hợp đồng mua bán xe giữa anh H và anh L vô hiệu toàn bộ do vi phạm cả về nội dung và hình thức của hợp đồng.

[2.3] Xét hợp đồng mua bán giữa anh Đào Văn L và anh Bùi Anh T: Đối với giao dịch mua bán chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 giữa anh L và anh T: Do anh L thực hiện giao dịch mua bán chiếc xe ô tô trên với anh H không đảm bảo quy định về nội dung, hình thức của hợp đồng và anh L sau khi mua xe cũng chưa làm thủ tục đăng ký sở hữu xe, nên chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 chưa thuộc quyền sở hữu của anh L nên anh L cũng không có quyền chuyển nhượng bán xe cho anh T. Bên cạnh đó việc mua bán xe giữa anh L và anh T chỉ lập giấy tờ mua bán viết tay mà không làm hợp đồng mua bán chứng thực tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là chưa đảm bảo hình thức hợp đồng tại khoản 2 Điều 117 BLDS, Khoản 2 Điều 119 BLDS năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 đang có hiệu lực tại thời điểm anh L và anh T thực hiện giao dịch mua bán. Xét thấy anh L chưa đứng tên chủ sở hữu đối với chiếc xe trên nên không có quyền định đoạt của chủ sở hữu theo Điều 194, Điều 431 BLDS nên hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô trên giữa anh L và anh T vô hiệu toàn bộ do vi phạm về nội dung và hình thức của hợp đồng.

[2.4] Xét lỗi của các bên dẫn đến hợp đồng vô hiệu toàn bộ: Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 quy định : “ 1. *Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch dân sự được xác lập.*

2. *Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả.*

3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó.

4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường.

5. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định”.

Theo lời khai của các bên và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện khi thực hiện giao dịch mua bán xe cả anh H, anh T và anh L đều tự nguyện mua bán, đều biết xe ô tô không có đăng ký sở hữu chính tên chính chủ của người bán, các bên trong khi thực hiện giao dịch mua bán đều không thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật về điều kiện thực hiện việc giao dịch mua bán, chuyển nhượng xe ô tô nhưng các bên vẫn nhất trí thực hiện việc mua bán với nhau, do đó xác định các bên đều có lỗi như nhau dẫn đến hợp đồng vô hiệu toàn bộ.

[2.5] Tại Chứng thư thẩm định giá thể hiện giá trị chiếc xe đang tranh chấp có giá trị 110.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh L không nhất trí với kết quả thẩm định giá vì cho rằng giá trị của tài sản thực tế cao hơn nhưng anh L không cung cấp được tài liệu để chứng minh và cũng không yêu cầu định giá lại tài sản, các đương sự còn lại không có ý kiến gì đối với kết quả thẩm định giá, do vậy số tiền 110.000.000 đồng là cơ sở để tính giá trị chiếc xe ô tô tại thời điểm xét xử là có căn cứ.

Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật để xác định các Hợp đồng mua bán xe ô tô tải nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 vô hiệu và xác định lỗi của các bên ngang nhau 50/50 để thực hiện nghĩa vụ về tài sản và thực hiện bồi thường thiệt hại là có căn cứ và đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 116, 117, 119, 129, 194, 407, 430, 431/BLDS 2015. Tuy nhiên khi tuyên xử Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thiếu một số điều luật 194, 407, 430, 431 tại chương XVI về Hợp đồng mua bán tài sản là sơ xuất tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến bản chất của việc giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nghiêm túc. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L về yêu cầu buộc anh H phải chịu lỗi hoàn toàn dẫn đến các hợp đồng mua bán xe ô tô vô hiệu; buộc anh H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi của anh Nguyễn Trung H gây ra cũng như các chi phí thẩm định và định giá tài sản và chịu toàn bộ án phí.

[3] Về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật Dân sự 2015 “*Giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả*”.

- Do anh Bùi Anh T đã nhận 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 của anh Đào Văn L kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc của xe gồm Chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô nên a Bùi Anh T có trách

nhiệm trả lại cho anh Đào Văn L 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720, kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc xe gồm đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm. Anh Đào Văn L có trách nhiệm trả lại cho anh Bùi A Trung số tiền 110 triệu đồng như hợp đồng mua bán giữa anh T và anh L.

- Anh Đào Văn L có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Trung H 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 kèm theo toàn bộ giấy tờ gốc xe gồm Chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô. Anh Nguyễn Trung H có trách nhiệm trả lại cho anh Đào Văn L số tiền 50 triệu đồng như hợp đồng mua bán giữa hai bên đã thỏa thuận.

- Đối với anh Nguyễn Trung H và anh Đào Văn L: Chứng thư thẩm định giá xác định giá trị chiếc xe chênh lệch so với thời điểm mua bán (110.000.000 đồng – 50.000.000 đồng) là 60.000.000 đồng. Do mỗi bên đều phải chịu $\frac{1}{2}$ lỗi như nhau nên anh H phải bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền chênh lệch giá trị xe là 30.000.000 đồng cho anh L. Anh L phải tự chịu bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền chênh lệch giá trị xe là 30.000.000 đồng.

- Đối với anh Bùi Anh T và anh Đào Văn L: Anh T có yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán giữa anh L và anh T vì anh T cho rằng hợp đồng mua bán xe giữa anh T và anh L là hợp pháp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hợp đồng mua bán xe giữa anh T và anh L vô hiệu, lẽ ra anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 3 điều 27 Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng do các bên không có yêu cầu gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Theo tài liệu chứng cứ, lời khai của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án khi bàn giao xe theo hợp đồng mua bán giữa anh H và anh L; giữa anh L và anh T các bên đều bàn giao đầy đủ xe và toàn bộ giấy tờ xe kèm theo gồm: Chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô nên khi thực hiện trả lại xe cho các bên thì các bên phải bàn giao lại đầy đủ cả xe và toàn bộ giấy tờ gốc của xe kèm theo. Bản án sơ thẩm đã tuyên anh Bùi A1 trả lại cho anh Đào Văn L 1 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 (có đặc điểm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của TAND huyện Tân Uyên); anh Đào Văn L trả lại cho anh Nguyễn Trung H 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 (có đặc điểm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của TAND huyện Tân Uyên) mà chưa tuyên buộc anh Bùi Anh T trả lại toàn bộ giấy tờ gốc kèm theo xe cho anh Đào Văn L2 và buộc anh Đào Văn L trả lại toàn bộ giấy tờ gốc kèm theo xe

cho anh Nguyễn Trung H là thiếu và chưa đảm bảo gây khó khăn cho công tác thi hành án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm nghiêm túc.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đào Văn L về yêu cầu buộc anh Nguyễn Trung H phải chịu toàn bộ án phí

Do yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung H được chấp nhận, nên anh Đào Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản của hợp đồng tranh chấp phải thực hiện nghĩa vụ là $5\% \times (50.000.000 \text{ đồng}) = 2.500.000 \text{ đồng}$.

Anh H và anh L cùng có lỗi như nhau trong việc dẫn đến Hợp đồng mua bán xe bị tuyên vô hiệu và có yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên anh Nguyễn Trung H và anh Đào Văn L cùng có nghĩa vụ bồi thường lỗi ngang nhau (50/50) số tiền chênh lệch giá trị chiếc xe so với thời điểm mua bán ($110.000.000 - 50.000.000$) = $60.000.000 \text{ đồng} / 2 = 30.000.000 \text{ đồng}$. Nên anh Nguyễn Trung H phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho anh L số tiền 30.000.000 đồng lỗi chênh lệch và phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch $5\% \times (30.000.000 \text{ đ}) = 1.500.000 \text{ đồng}$. Anh Đào Văn L phải tự chịu 30.000.000 tiền lỗi chênh lệch và chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch $5\% \times (30.000.000) = 1.500.000 \text{ đồng}$.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử buộc anh Đào Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác định anh Nguyễn Trung H có nghĩa vụ bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 30.000.000 đồng nên anh Nguyễn Trung H phải chịu án phí 1.500.000 đồng. Anh Đào Văn L phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là $5\% \times (110.000.000 \text{ đồng}) = 5.500.000 \text{ đồng}$ mà chưa tính án phí sơ thẩm giá ngạch $5\% \times 30 \text{ triệu chênh lệch anh L phải chịu}$ và án phí sơ thẩm giá ngạch là chưa chính xác theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án nên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên về án phí. Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu đề nghị anh H phải chịu toàn bộ án phí.

[5] Về Chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đào Văn L yêu cầu buộc ông H toàn bộ các chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng và chi phí thẩm định giá số tiền 3.422.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản vô hiệu do lỗi của cả nguyên đơn và bị đơn với tỷ lệ 50/50 nên chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá cũng chia đều cho hai bên để đảm bảo lẽ công bằng khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do lỗi cân bằng của cả hai bên. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu buộc ông H toàn bộ các chi phí thẩm định, định giá tài sản. Có căn cứ để buộc anh L phải chịu 300.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và 1.711.000 đồng chi phí thẩm định giá, anh H phải chịu 300.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và 1.711.000 đồng chi phí thẩm định giá. Anh Nguyễn Trung H đã nộp 4.022.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá, nên anh L phải có trách nhiệm hoàn lại cho anh H số tiền 2.011.000 đồng.

[6] Về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí và đề nghị áp dụng bổ sung thêm Điều 407, 430, 431 Bộ luật dân sự 2015 là có căn cứ và một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận một phần.

Về quan điểm anh Nguyễn Trung H phải chịu 4.000.000 đồng án phí gồm 1.500.000 đồng án phí sơ thẩm có giá ngạch của 30.000.000 đồng chênh lệch và chịu thêm 2.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch của giá trị tài sản hợp đồng tranh chấp giữa anh L và anh H ($5\% \times 50.000.000$ đồng). Anh Đào Văn L phải chịu án phí đối với phần giá trị tài sản phải thực hiện nghĩa vụ là $5\% \times (110.000.000 \text{ đồng}) = 5.500.000$ đồng là chưa phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nhận định trên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đào Văn L để sửa một phần bản án dân sự số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024.

Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đào Văn L về yêu cầu buộc anh H phải chịu lỗi hoàn toàn dẫn đến các hợp đồng mua bán xe ô tô vô hiệu; buộc anh H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi của anh Nguyễn Trung H gây ra cũng như các chi phí thẩm định và định giá tài sản và chịu toàn bộ án phí.

[8] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo có hiệu lực thi hành kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 3 Điều 26, Điều 38, Điều 39, khoản 2 Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 161, Điều 407, Điều 430, Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 27, Điều 28, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Đào Văn L sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Trung H.

3. Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 giữa anh Nguyễn Trung H và anh Đào Văn L vô hiệu toàn bộ.

4. Tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 giữa anh Đào Văn L và anh Bùi Anh T vô hiệu toàn bộ.

5. Buộc anh Đào Văn L phải hoàn trả số tiền 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng) cho anh Bùi Anh T.

6. Buộc anh Bùi Anh T phải hoàn trả 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 (có đặc điểm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên) có giá trị 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng) cho anh Đào Văn L và toàn bộ giấy tờ gốc của xe kèm theo gồm: Chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô.

7. Buộc Đào Văn L phải hoàn trả 01 chiếc xe ô tô tải, nhãn hiệu VEAM MOTOR, số loại VT200MB, màu sơn trắng, BKS: 61C-12720 (có đặc điểm cụ thể theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên) có giá trị 110.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng) cho anh Nguyễn Trung H và toàn bộ giấy tờ gốc của xe kèm theo gồm: Chứng nhận

đăng ký xe ô tô, Giấy chứng nhận kiểm định và Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô.

8 . Buộc anh Nguyễn Trung H phải hoàn trả cho anh Đào Văn L số tiền 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Buộc anh Nguyễn Trung H phải bồi thường cho anh Đào Văn L số tiền 30.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).

9. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Đào Văn L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 4.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu đồng), tổng số tiền án phí anh Đào Văn L phải nộp là 4.300.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.500.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng), xác nhận anh Nguyễn Trung H đã nộp 2.500.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0001422 ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho anh Nguyễn Trung H số tiền 1.000.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng).

10. Về chi phí tố tụng khác: Buộc anh Đào Văn L phải chịu 2.011.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười một nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá, anh H phải chịu 2.011.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười một nghìn đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá. Anh Nguyễn Trung H đã nộp 4.022.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá, nên anh L phải có trách nhiệm hoàn lại cho anh H số tiền 2.011.000 đồng.

11. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đào Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Đào Văn L đã nộp 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số: BLTU/23/0000882 , ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Nay trả lại cho anh Đào Văn L số tiền 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

12. Các nội dung khác của bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 19/01/2024 của TAND huyện Tân Uyên không bị kháng cáo có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- Các Đương sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

